Kinh nghiệm quốc tế về hỗ trợ khởi nghiệp cho người mãn hạn tù và hàm ý chính sách cho Việt Nam

Dương Thùy Linh[1], Phạm Thế An[2], Lê Trang Nhung[3], Nguyễn Hiền Nhi[4] và Phạm Thị Khánh Linh[5]

Ngày nhận bài: 11/02/2026 | Ngày gửi phản biện: 24/02/2026 | Ngày duyệt đăng: 12/3/2026

Tóm tắt: *Trong bối cảnh người mãn hạn tù vẫn gặp nhiều rào cản trong tiếp cận việc làm và sinh kế bền vững, việc nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế về hỗ trợ khởi nghiệp nhằm rút ra hàm ý chính sách phù hợp cho Việt Nam trở nên đặc biệt cần thiết. Bài viết sử dụng phương pháp tổng quan tài liệu và so sánh chính sách, kết quả cho thấy các mô hình hiệu quả đều áp dụng cách tiếp cận tích hợp, kết hợp đào tạo kinh doanh trong trại giam với hỗ trợ chuyển tiếp và đồng hành sau mãn hạn. Đối chiếu trong nước, nghiên cứu chỉ ra khoảng trống chính sách và đề xuất định hướng hoàn thiện khung pháp lý, đổi mới đào tạo và xây dựng mạng lưới hỗ trợ đa chủ thể.*

Từ khóa: *Người mãn hạn tù, ý định khởi nghiệp, tái hòa nhập cộng đồng, chính sách hỗ trợ, kinh nghiệm quốc tế.*

International Experiences in Supporting Entrepreneurship for Ex-Prisoners and Policy Implications for Vietnam

Abstract: *In a context where formerly incarcerated individuals continue to face significant barriers to employment and sustainable livelihoods, examining international experiences in entrepreneurship support to derive relevant policy implications for Vietnam is essential. Utilizing literature review and policy comparison methods, this study finds that successful global models employ an integrated approach, combining in-prison business training with transitional support and post-release mentorship. By contrasting these findings with the domestic context, the research identifies existing policy gaps and proposes directions for refining the legal framework, innovating vocational training, and establishing multi-stakeholder support networks.*

Keywords: *Formerly incarcerated individuals, entrepreneurial intention, community reentry, support policies, international experiences.*

1. Đặt vấn đề

Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững của Liên hợp quốc cho rằng, nguyên tắc "không ai bị bỏ lại phía sau" là nền tảng xuyên suốt trong hoạch định và thực thi chính sách kinh tế - xã hội. Trong đó nhấn mạnh yêu cầu thúc đẩy hòa nhập xã hội, mở rộng cơ hội kinh tế cho các nhóm yếu thế và dễ bị tổn thương trong xã hội (Liên hợp quốc, 2015). Trên tinh thần đó, người mãn hạn tù về nguyên tắc cần được thừa nhận đầy đủ quyền và cơ hội tham gia vào đời sống kinh tế, xã hội, bao gồm quyền lao động, sản xuất và khởi sự kinh doanh.

[1] Tiến sĩ, Trường Kinh tế và Quản lý công, Đại học Kinh tế Quốc dân; Email: linhthuy@neu.edu.vn
[2] Đại học Kinh tế Quốc dân; Email: 11235327@st.neu.edu.vn. Tác giả liên hệ
[3] Đại học Kinh tế Quốc dân; Email: 11235739@st.neu.edu.vn
[4] Đại học Kinh tế Quốc dân; Email: 11235278@st.neu.edu.vn
[5] Đại học Kinh tế Quốc dân; Email: 11234671@st.neu.edu.vn

Mặc dù người mãn hạn tù có thể đóng góp vào thị trường lao động và phát triển kinh tế, các nghiên cứu chỉ ra rằng họ vẫn là một nhóm đối tượng bị bỏ qua trong nhiều chiến lược phát triển việc làm và chính sách khởi nghiệp. Một lý do then chốt là sau khi trở về cộng đồng, người mãn hạn tù thường gặp phải nhiều rào cản trong tái hòa nhập việc làm, bao gồm kỳ thị từ người sử dụng lao động, hạn chế tiếp cận việc làm chính thức, mức độ kỹ năng và học vấn thấp, thiếu vốn xã hội cùng các vấn đề sức khỏe… những yếu tố này làm giảm đáng kể cơ hội tìm được việc làm ổn định (Valentine và cộng sự, 2015). Việc bị gắn nhãn với tiền án không chỉ cản trở khả năng tìm việc mà còn khiến nhiều cá nhân chịu sự phân biệt đối xử kéo dài, ảnh hưởng tới niềm tin vào năng lực bản thân và giảm cơ hội xây dựng sinh kế bền vững (Ramakers và cộng sự, 2015). Do đó, các rào cản này không chỉ ảnh hưởng tiêu cực đến quá trình tái hòa nhập mà còn tiềm ẩn nguy cơ làm tăng tỷ lệ tái phạm, đồng thời khiến xã hội bỏ lỡ nguồn lực lao động có thể được khai thác thông qua các chương trình hỗ trợ việc làm và khởi nghiệp phù hợp.

Tại Việt Nam, các chính sách đối với người mãn hạn tù hiện nay chủ yếu tập trung vào quản lý sau giam giữ, giáo dục pháp luật và hỗ trợ việc làm, vốn vay ở mức độ nhất định, trong khi khía cạnh khởi nghiệp và tự tạo việc làm bền vững chưa được đặt ở vị trí trung tâm. Theo số liệu của Bộ Công an trong Báo cáo số 382/TTr-BCA ngày 10/7/2023, đến năm 2021 có khoảng 5.420 cựu tù nhân có việc làm (chiếm 3,56% trong tổng số 152.328 tù nhân), tuy nhiên tỷ lệ cựu tù nhân được đào tạo nghề chỉ khoảng 2,36% và những người được cung cấp khoản vay tại địa phương chiếm 0,93%.

Sự thiếu hụt bằng chứng nghiên cứu về động cơ, rào cản và điều kiện hình thành ý định khởi nghiệp của người mãn hạn tù gây khó khăn trong hoạch định và thiết kế chính sách của Nhà nước với đối tượng này. Xuất phát từ thực tiễn đó, bài viết tập trung khám phá các phương thức quản lý và thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp của người mãn hạn tù trên cơ sở tham chiếu kinh nghiệm quốc tế, qua đó đề xuất một số gợi ý chính sách cho Việt Nam.

2. Tổng quan

Tái hòa nhập cộng đồng cho người mãn hạn tù là một vấn đề xã hội mang tính toàn cầu, trong đó hỗ trợ việc làm được xem là yếu tố then chốt nhằm hạn chế nguy cơ tái phạm và bảo đảm ổn định xã hội lâu dài. Theo UNODC (2018), việc tạo điều kiện tái hòa nhập cho người chấp hành xong án phạt tù không chỉ góp phần giảm gánh nặng cho hệ thống tư pháp mà còn thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Nhiều nghiên cứu đánh giá các chương trình đào tạo nghề và cố vấn khởi nghiệp trong và ngoài trại giam cho thấy những can thiệp này có tác động tích cực trong việc giảm tỷ lệ tái phạm và cải thiện cơ hội kinh tế cho cựu tù nhân, dù vẫn tồn tại hạn chế về quy mô và tính khái quát (Mangan, 2013).

Nhiều quốc gia đã triển khai các chương trình hỗ trợ chuyên biệt theo hướng tích hợp, kết hợp huấn luyện kỹ năng trong tù, hỗ trợ chuyển tiếp và đồng hành sau khi mãn hạn tù nhằm xử lý đồng thời các rào cản về kỹ năng, tâm lý, vốn xã hội và sự kỳ thị. Tại các quốc gia phát triển như Na Uy, Đức và Canada, hệ thống cải huấn chú trọng đào tạo nghề được công. Sau khi ra tù, người mãn hạn tù có thể tiếp cận các mô hình nhà chuyển tiếp, dịch vụ môi giới việc làm và cố vấn cá nhân. Tại Mỹ, các mô hình như Defy Ventures và The Last Mile được thiết kế theo hướng tích hợp, kết hợp đào tạo kiến thức kinh doanh, phát triển kỹ năng mềm, cố vấn từ doanh nhân và hỗ trợ tiếp cận nguồn vốn khởi nghiệp. Các nghiên cứu đánh giá cho thấy những chương trình này không chỉ nâng cao năng lực, sự tự tin và tinh thần trách nhiệm của người tham gia mà còn góp phần làm giảm tỷ lệ tái phạm xuống mức thấp hơn đáng kể so với mặt bằng chung (Miller và cộng sự, 2019).

Tại Việt Nam, công tác hỗ trợ người mãn hạn tù ngày càng được chú trọng thông qua đào tạo nghề, giới thiệu việc làm, vay vốn và sự phối hợp giữa các bên liên quan. Tuy nhiên, so với các mô hình quốc tế có cơ chế hỗ trợ trong và sau khi chấp hành án, các chương trình hỗ trợ khởi nghiệp ở Việt Nam vẫn

còn hạn chế về quy mô, nguồn lực và tính bền vững dài hạn. Một nghiên cứu tại Hà Nội cho thấy nhiều khó khăn trong đảm bảo an sinh xã hội cho người mãn hạn tù, như thiếu chính sách tài chính cho khởi nghiệp và sự kỳ thị của cộng đồng làm ảnh hưởng tới cơ hội việc làm sau khi ra tù, điều này chỉ ra sự cần thiết mở rộng các biện pháp hỗ trợ nghề nghiệp và tâm lý xã hội một cách toàn diện hơn (Nguyễn Đức Hữu, 2025). Bài viết phân tích thực trạng tái hòa nhập cộng đồng cũng chỉ ra rằng dù công tác này đã đạt được một số kết quả bước đầu, các yếu tố như trình độ học vấn thấp, thiếu nghề nghiệp ổn định và hạn chế phối hợp giữa các cơ quan vẫn là nguyên nhân trọng yếu cản trở quá trình tái hòa nhập của người chấp hành xong án phạt tù (Phan Thị Quỳnh Như & Đỗ Tiến Dũng, 2021).

3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện theo phương pháp tổng quan tài liệu có hệ thống kết hợp với phân tích so sánh chính sách. Quy trình tổng quan được thực hiện theo ba bước chính. *Thứ nhất,* xác định câu hỏi nghiên cứu và tiêu chí lựa chọn tài liệu, tập trung vào các nghiên cứu liên quan đến khởi nghiệp của người mãn hạn tù, tái hòa nhập kinh tế và các chương trình hỗ trợ sau phóng thích. *Thứ hai,* tiến hành tìm kiếm tài liệu trên các cơ sở dữ liệu học thuật quốc tế như Scopus, Web of Science và Google Scholar bằng các từ khóa: "prisoner reentry", "ex-offender entrepreneurship", "prison entrepreneurship program", "recidivism and employment". Các tài liệu được lựa chọn khi đáp ứng tiêu chí: (i) Bài tạp chí khoa học, báo cáo chính sách hoặc báo cáo đánh giá chương trình; (ii) Có nội dung liên quan trực tiếp đến đào tạo khởi nghiệp hoặc hỗ trợ sinh kế cho người mãn hạn tù; và (iii) Được công bố bởi các tổ chức học thuật hoặc tổ chức quốc tế uy tín. *Thứ ba,* tiến hành sàng lọc và phân tích nội dung nhằm nhận diện các mô hình can thiệp, cơ chế tác động và kết quả chính sách.

Phân tích dữ liệu được thực hiện thông qua phương pháp phân tích nội dung, cho phép hệ thống hóa các chủ đề, mô hình và yếu tố tác động được lặp lại trong các nghiên cứu khác nhau (Schreier, 2012). Trên cơ sở đó, nghiên cứu áp dụng phương pháp so sánh chính sách để đối chiếu kinh nghiệm của một số quốc gia tiêu biểu (Mỹ, Singapore, một số nước châu Âu và Đông Nam Á) với bối cảnh và chính sách hiện hành tại Việt Nam. Phương pháp so sánh được sử dụng nhằm nhận diện sự tương đồng, khác biệt và khoảng trống chính sách, từ đó đề xuất các gợi ý phù hợp với điều kiện trong nước.

4. Kết quả và thảo luận

4.1. Kinh nghiệm quốc tế

Khác với các cách tiếp cận truyền thống vốn tập trung chủ yếu vào giới thiệu việc làm ngắn hạn, các chương trình hiện đại có xu hướng chuyển sang mô hình can thiệp đa tầng, kết hợp đào tạo kỹ năng khởi nghiệp, hỗ trợ tâm lý - xã hội, cố vấn nghề nghiệp và tạo điều kiện tiếp cận nguồn lực tài chính (International Labour Organization, 2019). Cách tiếp cận này phản ánh sự thay đổi trong tư duy chính sách, từ hỗ trợ mang tính phúc lợi sang đầu tư phát triển năng lực, coi người mãn hạn tù là chủ thể có khả năng tạo ra giá trị kinh tế - xã hội. Một minh chứng tiêu biểu cho mô hình Nhà nước dẫn dắt là Dự án Yellow Ribbon tại Singapore, được triển khai thống nhất từ trong trại giam đến giai đoạn hậu tái hòa nhập. Chương trình cung cấp đào tạo nghề và khởi nghiệp, hỗ trợ tài chính ban đầu, kết nối với doanh nghiệp và đồng thời triển khai các chiến dịch truyền thông nhằm giảm kỳ thị xã hội đối với người có tiền án (Singapore Prison Service, 2020). Điểm nổi bật của mô hình này là tính liên tục của chuỗi hỗ trợ, giúp hạn chế tình trạng "đứt gãy" trong quá trình chuyển tiếp từ môi trường giam giữ sang đời sống cộng đồng. Các báo cáo đánh giá cho thấy chương trình góp phần gia tăng đáng kể tỷ lệ người có việc làm ổn định sau khi ra tù, đồng thời tạo nền tảng cho các hoạt động khởi nghiệp quy mô nhỏ (Singapore Prison Service, 2020).

Bên cạnh khu vực công, tại Mỹ, các tổ chức xã hội và phi lợi nhuận cũng đóng vai trò quan trọng trong thúc đẩy khởi nghiệp cho người mãn hạn tù. Chương trình Prison Entrepreneurship Program (PEP) tại Texas, cung cấp đào tạo kinh doanh, cố vấn và hỗ trợ việc làm sau khi ra tù. Theo báo cáo năm 2024, tỷ lệ tái phạm của học viên PEP dưới 9% sau ba năm và 100% có việc làm trong vòng 90 ngày. Kết quả này cho thấy hiệu quả của mô hình đầu tư xã hội dựa trên kết quả, khi chi phí hỗ trợ ban đầu được bù đắp bằng lợi ích kinh tế và giảm chi phí giam giữ về lâu dài.

Tại châu Âu, các sáng kiến như Startup ở Vương quốc Anh và European Prisoners Entrepreneurship Program (EPEP) được Liên minh châu Âu tài trợ nhấn mạnh đào tạo tinh thần doanh nhân, cố vấn đồng đẳng và ứng dụng nền tảng số trong giảng dạy. Các chương trình này đã hỗ trợ hơn một nghìn người, trong đó hàng trăm người tự tạo việc làm, với tỷ lệ tái phạm được báo cáo ở mức rất thấp (European Commission, 2021). Việc chuẩn hóa giáo trình và triển khai đào tạo trực tuyến cho phép mở rộng quy mô và tăng khả năng chuyển giao mô hình giữa các quốc gia, đồng thời giảm chi phí trên mỗi người thụ hưởng.

Ở khu vực Đông Nam Á, các chương trình do ILO hỗ trợ tại Thái Lan và Philippines tập trung vào đào tạo kỹ năng phù hợp với nhu cầu thị trường địa phương, kết hợp các mô hình tài chính linh hoạt nhằm hỗ trợ khởi sự kinh doanh quy mô nhỏ (ILO, 2019). Tuy nhiên, các báo cáo cũng chỉ ra những hạn chế đáng kể về quy mô nguồn vốn, tính bền vững tài chính và tác động tiêu cực của định kiến xã hội đối với khả năng mở rộng mô hình.

Tổng hợp các trường hợp trên cho thấy một số điểm tương đồng cốt lõi. Thứ nhất, các chương trình hiệu quả đều áp dụng cách tiếp cận đa chiều, kết hợp yếu tố kinh tế, xã hội và tâm lý. Thứ hai, cố vấn và mạng lưới hỗ trợ đóng vai trò trung tâm trong việc chuyển hóa kiến thức thành hành vi khởi nghiệp thực tế. Thứ ba, khởi nghiệp được gắn chặt với mục tiêu giảm tái phạm và thúc đẩy tái hòa nhập bền vững. Những đặc điểm này phù hợp với các lý thuyết hành vi, theo đó ý định và hành vi khởi nghiệp chịu ảnh hưởng mạnh mẽ bởi thái độ, chuẩn mực xã hội và cảm nhận về năng lực bản thân (Bandura, 1997).

Tuy vậy, sự khác biệt giữa các mô hình chủ yếu nằm ở vai trò của Nhà nước và năng lực nguồn lực. Các mô hình Nhà nước dẫn dắt thường có độ bao phủ rộng và tính bền vững cao, trong khi các mô hình NGO linh hoạt hơn trong thiết kế và đổi mới chương trình. Tổng thể, các chương trình thành công đều phản ánh cách tiếp cận hệ sinh thái khởi nghiệp, trong đó người mãn hạn tù được đặt ở trung tâm của mạng lưới liên kết đa chủ thể gồm Nhà nước, doanh nghiệp và tổ chức xã hội.

4.2. Thực trạng chính sách và môi trường kinh doanh khởi nghiệp dành cho người mãn hạn tù tại Việt Nam

4.2.1. Những bước tiến về chính sách

Việt Nam đã có những bước tiến quan trọng trong hỗ trợ tái hòa nhập cộng đồng cho người chấp hành xong án phạt tù, đặc biệt với việc ban hành Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg về tín dụng chính sách dành riêng cho nhóm đối tượng này. Theo đó, người hoàn lương được vay tối đa 100 triệu đồng phục vụ sản xuất, kinh doanh với lãi suất ưu đãi và không yêu cầu bảo đảm tiền vay đối với khoản vay dưới hạn mức quy định. Đồng thời, các cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng lao động là người chấp hành xong án phạt tù cũng được tiếp cận nguồn vốn với quy mô lớn hơn, qua đó khuyến khích khu vực tư nhân tham gia vào quá trình tái hòa nhập (Công an nhân dân, 2023; Chính sách và Cuộc sống, 2024).

4.2.2. Những rào cản đối với người mãn hạn tù

Tuy đã có những bước tiến đáng kể, hoạt động đào tạo trong trại giam tại Việt Nam vẫn chủ yếu tập trung vào lao động truyền thống như nông nghiệp, thủ công và dịch vụ giản đơn. Dù có ý nghĩa cải tạo, các kỹ năng này khó tạo lợi thế cạnh tranh và chưa đủ làm nền tảng cho khởi nghiệp bền vững do thiếu các học phần về quản lý tài chính, marketing, kỹ năng số và pháp luật kinh doanh. Hệ quả là người chấp hành xong án phạt tù thường hạn chế về năng lực quản trị và kiểm soát rủi ro, khiến việc tiếp cận vốn vay theo Quyết định 22/2023/QĐ-TTg, nếu không đi kèm hỗ trợ phù hợp, có thể làm gia tăng nguy cơ thua lỗ và tái phạm.

Bên cạnh đó, Việt Nam hiện chưa có cơ chế bảo lãnh niềm tin thị trường, trong khi định kiến xã hội vẫn là rào cản lớn đối với doanh nghiệp do người mãn hạn tù làm chủ. Mạng lưới hỗ trợ sau tái hòa nhập chủ yếu hỗ trợ tinh thần, còn thiếu tư vấn kinh doanh, tư vấn và kết nối thị trường, làm suy giảm khả năng khởi nghiệp bền vững của nhóm đối tượng này.

5. Kết luận và hàm ý chính sách

Từ phân tích thực tiễn quốc tế và bối cảnh trong nước, nghiên cứu đưa ra các kinh nghiệm cho Việt Nam nhằm xây dựng chính sách và chiến lược phù hợp với đối tượng này.

Thứ nhất, hoàn thiện khung pháp lý và cơ chế tài chính theo hướng khuyến khích tái hòa nhập thông qua tự doanh và khởi nghiệp. Cần tạo điều kiện cho người mãn hạn tù đăng ký hộ kinh doanh hoặc thành lập doanh nghiệp trong các ngành nghề phù hợp, kèm cơ chế giám sát, bảo trợ trong giai đoạn đầu. Việc ứng dụng Đề án 06 nhằm rút ngắn thời gian cấp Phiếu lý lịch tư pháp sẽ góp phần thuận lợi hóa thủ tục kinh doanh. Đồng thời, cần mở rộng thẩm định phương án kinh doanh và bảo lãnh tín dụng thông qua Ngân hàng Chính sách Xã hội và Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, nghiên cứu thí điểm mô hình "Quỹ Bảo lãnh Niềm tin" nhằm giảm rào cản uy tín. Các chính sách ưu đãi thuế đối với doanh nghiệp do người mãn hạn tù làm chủ hoặc sử dụng lao động hoàn lương cũng cần được xem xét nhằm thúc đẩy tạo việc làm bền vững.

Thứ hai, đổi mới đào tạo trong trại giam theo hướng chuẩn bị cho khởi nghiệp. Chương trình tiền mãn hạn trong khoảng 12 - 18 tháng cần tích hợp kiến thức quản trị, kỹ năng số và trí tuệ cảm xúc bên cạnh đào tạo nghề truyền thống. Việc áp dụng phương pháp học tập trải nghiệm, tổ chức các cuộc thi ý tưởng kinh doanh trong trại giam và kết nối cố vấn doanh nghiệp sẽ góp phần hình thành tư duy kinh doanh và động lực tự thân. Đồng thời, việc lựa chọn nghề đào tạo cần gắn với khả năng tự doanh sau khi mãn hạn, ưu tiên các lĩnh vực có nhu cầu thị trường rõ ràng, vốn đầu tư ban đầu không lớn và ít rào cản lý lịch, qua đó nâng cao tính khả thi và bền vững của hoạt động khởi nghiệp.

Thứ ba, xây dựng hệ sinh thái hỗ trợ khởi nghiệp tái hòa nhập với sự tham gia của Nhà nước, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội. Mô hình mạng lưới "Doanh nhân đỡ đầu" có thể được triển khai thông qua sự tham gia của các tổ chức như Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam, Hội Doanh nhân Trẻ và VCCI nhằm cố vấn, giám sát sử dụng vốn và kết nối thị trường cho người có dự án khởi nghiệp. Bên cạnh đó, cần thể chế hóa vai trò của doanh nghiệp xã hội và thúc đẩy chuỗi cung ứng bao dung thông qua cơ chế ưu tiên trong mua sắm công và khuyến khích khu vực tư nhân tích hợp tiêu chí tác động xã hội vào lựa chọn nhà cung cấp, qua đó tạo điều kiện để người hoàn lương tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị chính thức.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Công an (2023). *Báo cáo số 382/TTr-BCA ngày 10/7/2023 về tình hình tái hòa nhập cộng đồng và hỗ trợ người chấp hành xong án phạt tù.* Cổng thông tin điện tử Bộ Công an.
2. Chính phủ (2023). *Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg về tín dụng đối với người chấp hành xong.* Cổng Thông tin điện tử Chính phủ.
3. Công an Nhân dân (2023). *Hỗ trợ người hoàn lương vay vốn làm ăn, ổn định cuộc sống.* Báo Công an Nhân dân điện tử. https://cand.com.vn/xa-hoi/ho-tro-nguoi-hoan-luong-vay-von-lam-an-on-dinh-cuoc-song-i714677/
4. Phan, T. Q. N., & Đỗ, T. D. (2021). Pháp luật về các biện pháp đảm bảo tái hòa nhập cộng đồng đối với người chấp hành xong án phạt tù
5. Bandura, A. (1997). *Self-efficacy: The exercise of control.* W. H. Freeman.
6. International Labour Organization (2019). *Skills development and employability for ex-offenders in Southeast Asia.* ILO.
7. Mangan, K. (2013). *Business schools programs turn felons into entrepreneurs.* Chronicle of Higher Education, 59(28), A10.
8. Miller, J. M., & Miller, H. V. (2019). Entrepreneurship training and recidivism: A program evaluation of Defy Ventures. *Criminal Justice and Behavior, 46*(11), 1631–1649.
9. Nguyễn Đức Hữu (2025). *Post-rehabilitation and post-incarceration social security support for individuals in Hanoi, Vietnam.*
10. Prison Entrepreneurship Program. (2024). PEP by the numbers: 2024 impact recap. Retrieved February 26, 2026, from https://www.pep.org/pep-by-the-numbers-2024-impact-recap/
11. Prison Entrepreneurship Program. (n.d.). *PEP results.* Retrieved February 26, 2026, from https://www.pep.org/results/
12. Prison Entrepreneurship Program. (n.d.). *What is the Prison Entrepreneurship Program?* Retrieved February 26, 2026, from https://www.pep.org/what-is-the-prison-entrepreneurship-program/
13. Prison Entrepreneurship Programme. (2019). *Leonhard Prison Entrepreneurship Programme (Transnational report)*. PREP. Retrieved February 26, 2026, from https://publikationen.sulb.uni-saarland.de/bitstream/20.500.11880/35449/1/Transnational-Report-final.pdf
14. Ramakers, A., van Wilsem, J., Nieuwbeerta, P. et al. Down Before They Go In: A Study On Pre-Prison Labour Market Attachment. Eur J Crim Policy Res 21, 65–82 (2015). https://doi.org/10.1007/s10610-014-9234-x
15. Schreier, M. (2012). Qualitative content analysis in practice. Sage.
16. Singapore Prison Service (2020). *Yellow Ribbon Project annual report 2020.*
17. UNODC. (2018a). *Introductory handbook on the prevention of recidivism and the social reintegration of offenders.* United Nations.
18. UNODC. (2018b). *Handbook on the management of prisoners and alternatives to imprisonment*. United Nations Office on Drugs and Crime.
19. Valentine, E.J., Redcross, C. Transitional jobs after release from prison: effects on employment and recidivism. IZA J Labor Policy 4, 16 (2015). https://doi.org/10.1186/s40173-015-0043-8